CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***363 841***	***99 168***	***264 673***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**87 860**	**11 642**	**76 218**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***28 100***	***11 642***	***16 458***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	16/7	467/7	26/7	QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	9 894	12 906	RÓT DỞ	HỘ LỚN	TTCO: 22.800
2		CROMIT THANH HÓA	16/7	1800/7	26/7	MINH HẰNG 262	CÁM 5A.1	4 200	1 504	2 696	RÓT DỞ	PTCB	
3		ĐTTM&DV	18/7	1821/7	25/7	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 100	244	856	RÓT DỞ	TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***59 760***		***59 760***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	464/7		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.1	29 300		29 300		HỘ LỚN	TTCO: 29.300
10		VT & KDT	16/7	1743/7	23/7	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	GIA HẠN L1
12		KDT MIỀN BẮC	18/7	1684/7	25/7	BN 2397	CỤC 4A.2	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
13		THAN MIỀN TRUNG	18/7	1656/6	25/7	Á ĐÔNG 36 (BN 1789)	CỤC XÔ 1C	1 500		1 500		TD	GIA HẠN L3
14		TCT ĐÔNG BẮC	19/7	1761B/7	26/7	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	Thay TBRT số 1761/7
	Tàu chuyển tải							**174 440**	**54 839**	**119 601**			
	Tàu đã làm hàng							***29 400***	***29 249***	***151***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	449B/7		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.1	29 400	29 249	151	19/7	HỘ LỚN	Thay TBRT số 449/7 TTHG: 24.275,5, KVCP: 4.973,29
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***90 000***	***25 590***	***64 410***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/7	454/7		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	20 640	2 360	DỞ	HỘ LỚN	TTHG:18.000 - KVCP:5.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	466/7		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTHG:18.000 - KVCP:5.000
3		CN TCT PHÁT ĐIỆN 3- CTY CP	15/7	465/7		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 6A.14	23 300		23 300		HỘ LỚN	KDTCP: 6000, CPXNKT: 10000, KVCP: 7300
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	462/7		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700	4 950	15 750	DỞ	HỘ LỚN	TTHG:16.000 - KVCP:4.700
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***55 040***		***55 040***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690		27 690			TTHG:22.500 - KVCP:5.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	18/7	470/7		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 350		27 350			KDTCP:6.000 XNKT: 15.000 KVCP:6.350
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**41 566**	**10 329**	**31 237**			
	Tàu đã làm hàng							***9 223***	***9 038***	***185***			
1		CP XNK THAN	18/7	1822/7	28/7	VINACOMIN TĐ 056-02	CÁM 4A.1	5 432	5 283	149	19/7	PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		KDT MIỀN BẮC	19/7	1830/7	29/7	HP 4910	CÁM 7C	2 155	2 142	13	19/7	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
3		KDT MIỀN BẮC	19/7	1831/7	29/7	HP 6559	CÁM 7C	1 636	1 613	23	19/7	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***5 250***	***1 291***	***3 959***			
1		KDT MIỀN BẮC	17/7	1817/7	27/7	NB 8715	CÁM 7B	3 350	264	3 086	RÓT DỞ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		THAN MIỀN NAM	14/7	1783/7	21/7	NISSI 777	CÁM 8A	1 900	1 027	873	RÓT DỞ	TD	NGUỒN ĐN-CS
	Tàu đã làm lệnh							***27 093***		***27 093***			
1		CP XNK THAN	18/7	1824/7	28/7	VIỆT THUẬN TĐ 01	CÁM 7B	5 312		5 312		PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	19/7	1829/7	29/7	BN 0959	CÁM 7B	1 360		1 360		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
3		VT THỦY	12/7	1766/7	19/7	QUANG HƯNG568	CÁM 8A	3 050		3 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		TCT ĐÔNG BẮC	16/7	1794/7	23/7	HP 6093	CÁM 8A	2 048		2 048		TD	NGUỒN ĐN-CS
5		ĐTTM&DV	16/7	1798/7	23/7	FLJ777	CÁM 8A	2 350		2 350		TD	NGUỒN ĐN-CS
6		DVVT QUẢNG NINH	16/7	1806/7	23/7	BN 2999	CÁM 8A	2 500		2 500		TD	NGUỒN ĐN-CS
7		XNK ANH KHOA	17/7	1812/7	24/7	PT 2698	CÁM 8A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
8		THÁI SƠN HP	17/7	1816/7	24/7	BN 2112	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
9		XNK THAN	17/7	1815/7	24/7	QN 8068	CỤC XÔ 1A	970		970		TD	NGUỒN ĐN-CS
10		CP VT THUỶ	18/7	1823/7	25/7	HƯNG THỊNH 26	CÁM 8A	2 250		2 250		TD	NGUỒN ĐN-CS
11		ĐT TM & DV	18/7	1659/6	25/7	BN 2646	CỤC XÔ 1C	1 175		1 175		TD	NGUỒN MD, GIA HẠN LẦN 3
12		TCT ĐÔNG BẮC	18/7	1757/7	25/7	NB 8530	CỤC XÔ 1A	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-CS,GIA HẠN LẦN 1
13		ĐT TM & DV	18/7	1662/6	25/7	BN 1309	CỤC XÔ 1B	1 128		1 128		TD	NGUỒN CS,GIA HẠN LẦN 3
14		ĐT TM & DV	18/7	1756/7	25/7	BN 2579	CỤC XÔ 1A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-CS,GIA HẠN LẦN 1
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**18 375**	**10 158**	**8 217**			
	Tàu đã làm hàng							***5 786***	***5 772***	***14***			
1		CP XNK THAN	17/7	1813	27/7	HOÀNG ANH 36	Cám 6a.1	3 050	3 042	8	19/7	PTCB	
4		KHO VẬN ĐÁ BẠC	19/7	1827/7	29/7	VIỆT NHẬT 19 (HD 6386)	CÁM 5B.1	2 736	2 730	6	19/7	Chuyển vùng	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***10 989***	***4 386***	***6 603***			
1		KHO VẬN ĐÁ BẠC	19/7	1826/7	29/7	QUẢNG PHÚC 86 (QN 7583)	CÁM 6B.1	3 490	1 873	1 617	RÓT DỞ	Chuyển vùng	
2		KHO VẬN ĐÁ BẠC	19/7	1825/7	29/7	NB 6383	CÁM 5B.1	5 038	2 513	2 525	RÓT DỞ	Chuyển vùng	
3		KHO VẬN ĐÁ BẠC	19/7	1828/7	29/7	VIỆT NHẬT 18 (HD 6286)	CÁM 5B.1	2 461		2 461		Chuyển vùng	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***1 600***		***1 600***			
1		DVVT QUẢNG NINH	19/7	1832/7	26/7	QN 8660	BÙN 3C	1 600		1 600		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**6 500**	-	**6 500**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***6 500***		***6 500***			
1		LÀO	15	60/7		HOÀNG PHƯƠNG LUCKY	CẨM 1	6 500		6 500			TTCO: 6.500
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**35 100**	**12 200**	**22 900**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***18 000***	***12 200***	***5 800***			
1		MOZAMBIQUE	13/7	CLM		MV GRAND T		18 000	12 200	5 800	DỠ		TTCO: 18.000
	Tàu đã làm lệnh							***17 100***		***17 100***			
1		LÀO	17/7	5031		VIỆT THUẬN 235-06	Than Anthracite Lào	12 100		12 100			TTCO: 7.100, KVCP: 5.000
2		LÀO	17/7	5032		VIỆT THUẬN 235	Than Anthracite Lào	5 000		5 000			TTCO: 5.000
										0			
										0			
										0			
										0			
										0			